

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC DẠY HỌC CỦA SINH VIÊN NĂM CUỐI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN

Nguyễn Thu Trang

Viện Nghiên cứu Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Năng lực dạy học là thành phần cốt lõi trong nhóm năng lực nghề nghiệp được đào tạo trong các trường sư phạm. Bài viết phân tích kết quả tự đánh giá về năng lực dạy học của sinh viên năm cuối đại học sư phạm và khó khăn trong phát triển năng lực dạy học của sinh viên. Nghiên cứu được tiến hành trên 316 sinh viên năm thứ tư của ba trường đại học sư phạm lớn trong cả nước: ĐH Sư phạm Hà Nội, ĐH Sư phạm - ĐH Đà Nẵng, ĐH Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy sinh viên sư phạm năm cuối tự đánh giá năng lực dạy học ở mức khá; trong đó có một số năng lực thành phần còn hạn chế và gặp nhiều khó khăn để phát triển như: Năng lực hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập; Năng lực dạy học phân hoá; Năng lực lựa chọn và sử dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học. Kết quả của nghiên cứu này kỳ vọng có thể trở thành một trong những cơ sở giúp ích cho việc phát triển năng lực dạy học của sinh viên sư phạm; đồng thời hướng đến đạt được mục tiêu đa dạng hoá các phương thức đánh giá trong giáo dục và đào tạo, bao gồm cả tự đánh giá của người học, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo giáo viên.

Từ khóa: sinh viên sư phạm, trường đại học sư phạm, năng lực dạy học, tự đánh giá của người học.

1. Mở đầu

Giáo viên là lực lượng nòng cốt của sự nghiệp giáo dục. Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã khẳng định: Chất lượng đào tạo trong các cơ sở đào tạo giáo viên quyết định phần nhiều đến chất lượng đội ngũ giáo viên, từ đó tác động đến kết quả học tập và rèn luyện của học sinh [1-5].

Ở Việt Nam, năm 2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực (NL) mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [6]. Bên cạnh đó, năm 2018, Bộ cũng đã ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông [7], làm cơ sở xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của các trường đại học sư phạm.

Về phương diện khoa học, đã có nhiều nghiên cứu xác định chuẩn đầu ra trong đào tạo giáo viên trình độ cử nhân, như nghiên cứu của Nguyễn Công Khanh và cộng sự [8], Nguyễn Thị Kim Dung [9], Nguyễn Thị Thanh Hồng [10]... Các nghiên cứu này đã đạt được kết quả là xây dựng được các khung chuẩn đầu ra của đào tạo giáo viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay; trong đó năng lực dạy học của sinh viên sư phạm (SVSP) được đề cập đến như là một trong những cấu phần cốt lõi thuộc hệ thống năng lực nghề nghiệp khi đánh giá sinh viên.

Trên thực tế, việc đánh giá kết quả đào tạo giáo viên của các trường sư phạm chủ yếu theo

phương thức đánh giá từ giảng viên trực tiếp tham gia đào tạo, còn tự đánh giá của sinh viên (SV) chưa được chú trọng [11]. Trong khi đó, vấn đề đa dạng hoá các phương thức đánh giá, bao gồm cả tự đánh giá của người học được xác định là một trong những ưu tiên của đổi mới giáo dục, đào tạo và đã được khẳng định trong Nghị Quyết Trung ương của Đảng: “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội” [12].

Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu thực trạng năng lực dạy học của sinh viên năm cuối đại học sư phạm thông qua tự đánh giá của sinh viên, nhằm mục đích giúp cho việc đánh giá đào tạo giáo viên trở nên phong phú và sâu sắc hơn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổ chức nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu này khảo sát, phân tích, nhận định về năng lực dạy học thông qua tự đánh giá của SV năm cuối các trường đại học sư phạm, dựa theo các tiêu chí được xác định trong các chuẩn đầu ra trong đào tạo giáo viên. Cụ thể là, năng lực dạy học của sinh viên sư phạm được nghiên cứu bao gồm 11 năng lực thành phần: (1) Năng lực vận dụng, phát triển chương trình và tài liệu sách giáo khoa; (2) Năng lực lựa chọn và sử dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học; (3) Năng lực dạy học phân hoá; (4) Năng lực dạy học tích hợp; (5) Năng lực lập kế hoạch dạy học; (6) Năng lực tổ chức dạy học; (7) Năng lực tổ chức và quản lý lớp học; (8) Năng lực hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập; (9) Năng lực đánh giá sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh; (10) Năng lực xây dựng, quản lý và khai thác hồ sơ dạy học; (11) Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là điều tra bằng bảng hỏi dành cho SVSP về các nội dung cần tìm hiểu, phương pháp phỏng vấn sâu và phương pháp thống kê toán học. Trong bảng hỏi, nội dung phản ánh năng lực dạy học của SVSP bao gồm các item về 11 năng lực thành phần của năng lực dạy học với những biểu hiện cụ thể của từng năng lực và những khó khăn đối với SV về phát triển các năng lực đó trong quá trình học tập và rèn luyện. Các item được thiết kế theo thang Likert với 5 mức độ tăng dần, tương ứng với điểm số từ 1 đến 5 điểm. Bảng hỏi đã được kiểm định độ tin cậy. Kết quả kiểm định cho thấy các item đều có hệ số tương quan biến tổng đạt yêu cầu; hệ số Cronbach's Alpha của thang đo năng lực dạy học của SVSP là 0,94 và của thang đo khó khăn trong phát triển năng lực dạy học là 0,93 đều khẳng định độ tin cậy cho phép sử dụng vào đánh giá các nội dung cần khảo sát.

Khách thể nghiên cứu: 316 sinh viên năm thứ tư được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên của ba trường đại học sư phạm lớn: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Năng lực dạy học và các biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên năm cuối các trường đại học sư phạm

2.2.1.1. Kết quả chung về năng lực dạy học của sinh viên năm cuối các trường đại học sư phạm theo tự đánh giá của sinh viên

Trong nghiên cứu này, chúng tôi khảo sát năng lực dạy học của SVSP năm cuối thông qua tự đánh giá của SV được cụ thể hoá bởi 11 năng lực thành phần với 35 biểu hiện. Các kết quả phản ánh năng lực dạy học của SVSP năm cuối được trình bày dưới đây (Bảng 1).

Bảng 1. Năng lực dạy học của sinh viên năm cuối các trường đại học sư phạm (theo tự đánh giá của sinh viên)

TT	Năng lực dạy học của SVSP	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	NL vận dụng, phát triển chương trình và tài liệu sách giáo khoa	3,64	0,79	2
2	NL lựa chọn và sử dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học	3,53	0,68	9
3	NL dạy học phân hoá	3,52	0,69	10
4	NL dạy học tích hợp	3,62	0,74	4
5	NL lập kế hoạch dạy học	3,57	0,67	7
6	NL tổ chức dạy học	3,54	0,64	8
7	NL tổ chức và quản lí lớp học	3,63	0,68	3
8	NL hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập	3,46	0,65	11
9	NL đánh giá sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh	3,60	0,63	5
10	NL xây dựng, quản lí và khai thác hồ sơ dạy học	3,72	0,77	1
11	NL ứng dụng CNTT trong dạy học	3,59	0,74	6
	Trung bình chung	3,58	0,57	

(Điểm thấp nhất là 1, điểm cao nhất là 5)

Kết quả khảo sát thể hiện ở Bảng 1 cho thấy, SVSP năm cuối tự đánh giá năng lực dạy học ở mức khá với ĐTB = 3,58/5. Xét từng năng lực thành phần, thấy được *NL xây dựng, quản lí và khai thác hồ sơ dạy học* là vượt trội hơn cả (ĐTB = 3,72). Bên cạnh đó, các năng lực cũng thuộc nhóm điểm cao là *NL vận dụng và phát triển chương trình và tài liệu sách giáo khoa* (ĐTB = 3,64), *NL tổ chức và quản lí lớp học* (ĐTB = 3,63), *NL dạy học tích hợp* (ĐTB = 3,62).

Mỗi học sinh là một chủ thể của quá trình giáo dục, có cơ hội phát triển như nhau. Dạy học phân hoá nhằm đáp ứng nhu cầu của từng nhóm và từng cá nhân người học có tính đến cả giáo dục đặc biệt. *NL hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập* và *NL dạy học phân hoá* được SV tự đánh giá chưa tốt, thuộc mức thấp nhất trong các năng lực dạy học (ĐTB = 3,46 và 3,52, xếp thứ hạng 11 và 10 trong số 11 năng lực dạy học được khảo sát). *NL lựa chọn và sử dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học* (ĐTB = 3,53) cũng thuộc nhóm năng lực được đánh giá thấp. Thực tế thực tập sư phạm cho thấy phần nhiều SV khi lên lớp còn lúng túng với việc vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp, đa dạng và linh hoạt.

2.2.1.2. Biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên năm cuối các trường đại học sư phạm theo tự đánh giá của sinh viên

Mỗi năng lực thành phần của năng lực dạy học của sinh SVSP lại được cụ thể hoá qua các biểu hiện có thể đo lường và quan sát được. Kết quả phản ánh thực trạng các biểu hiện năng lực dạy học của SVSP qua tự đánh giá của SV được thể hiện dưới đây (Bảng 2).

Bảng 2. Biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên năm cuối các trường đại học sư phạm (theo tự đánh giá của sinh viên)

TT	Năng lực dạy học của SVSP	Biểu hiện năng lực dạy học của SVSP	ĐTB	ĐLC
1	NL vận dụng, phát triển chương trình và	Phát triển chương trình môn học	3,65	0,98
		Sử dụng các tài liệu hướng dẫn chính thống về chương trình giảng dạy cho những nội dung dạy học	3,63	0,98

	tài liệu sách giáo khoa			
2	NL lựa chọn và sử dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học	Sử dụng các phương tiện, trang thiết bị dạy học phù hợp	3,83	0,96
		Sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với nội dung	3,38	0,97
		Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học	3,48	0,89
		Sử dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học	3,42	0,93
3	NL dạy học phân hoá	Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí và phân loại học sinh	3,51	0,88
		Xác định và tôn trọng sự khác biệt cá nhân của học sinh	3,72	0,93
		Điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp với những khác biệt cá nhân của học sinh	3,41	1,19
		Dạy học phân hóa với từng cá nhân học sinh	3,43	0,96
4	NL dạy học tích hợp	Đảm bảo kiến thức chuyên môn	3,75	0,85
		Kết nối nội dung giảng dạy với kinh nghiệm của học sinh và cuộc sống thực	3,5	0,97
5	NL lập kế hoạch dạy học	Lập kế hoạch dạy học theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục	3,59	0,91
		Lập kế hoạch dạy học theo hướng tập trung vào người học	3,71	0,89
		Điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp với những khác biệt cá nhân của học sinh	3,41	1,19
		Sử dụng kết quả đánh giá trong việc điều chỉnh kế hoạch dạy học cho phù hợp	3,57	0,75
6	NL tổ chức dạy học	Sắp xếp trình tự các hoạt động học tập để học sinh theo kế hoạch đã lập	3,48	0,92
		Tiến hành từng bước bài học để học sinh không bị quá tải	3,42	0,94
		Điều chỉnh các hoạt động học tập giữa chừng nếu thấy cần thiết	3,47	0,90
		Điều chỉnh chương trình giảng dạy để đáp ứng nhu cầu của người học	3,55	0,96
7	NL tổ chức và quản lí lớp học	Giải quyết các tình huống sư phạm	3,53	1,02
		Giao tiếp, ứng xử phù hợp với học sinh	3,94	0,94
		Quản lí lớp học hiệu quả để giảm thiểu sự ngắt quãng và luôn giữ học sinh gắn kết với giờ học	3,43	0,96
		Quan tâm đến học sinh	3,61	0,93
8	NL hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập	Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí và phân loại học sinh	3,51	0,88
		Dành thời gian hỗ trợ học sinh chưa hiểu bài	3,55	1,03
		Quan tâm những học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt để họ đạt được các mục tiêu	3,32	0,90

9	NL đánh giá sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh	Đánh giá chất lượng, hiệu quả học tập của học sinh	3,56	0,89
		Đưa ra những nhận xét chính xác về sự tiến bộ của học sinh	3,52	1,03
		Sử dụng kết quả đánh giá trong việc điều chỉnh kế hoạch dạy học	3,57	0,75
10	NL xây dựng, quản lí và khai thác hồ sơ dạy học	Xây dựng, quản lí và sử dụng có hiệu quả hồ sơ dạy học	3,66	0,90
		Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lí hồ sơ học sinh	3,79	0,94
11	NL ứng dụng CNTT trong dạy học	Dạy học online	3,46	1,12
		Hỗ trợ học sinh sử dụng công nghệ trong quá trình học tập	3,52	0,93
		Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lí hồ sơ học sinh	3,79	0,94

(Điểm thấp nhất là 1, điểm cao nhất là 5)

Các biểu hiện của năng lực dạy học của SVSP được phản ánh ở Bảng 2. Xét ở phương diện tổng quát thấy rằng giá trị trung bình của những biểu hiện đó dao động trong khoảng từ 3,32 đến 3,94 với độ lệch tương đối cao xoay quanh giá trị 1. Trong đó, điểm mạnh của SVSP được phản ánh qua các biểu hiện tự đánh giá ở mức cao nhất như *Giao tiếp, ứng xử phù hợp với học sinh; Sử dụng các phương tiện, trang thiết bị dạy học phù hợp; Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lí hồ sơ học sinh; Xác định và tôn trọng sự khác biệt cá nhân của học sinh*. Ngược lại, SVSP năm cuối tham gia khảo sát tự đánh giá mình còn hạn chế ở các biểu hiện như: *Quan tâm những học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt để họ đạt được các mục tiêu; Điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp với những khác biệt cá nhân của học sinh; Sử dụng đa dạng các kĩ thuật dạy học; Điều chỉnh các hoạt động học tập giữa chừng nếu thấy cần thiết*.

Để làm rõ hơn thực trạng biểu hiện năng lực dạy học của SVSP năm cuối đã đánh giá ở trên, chúng tôi chọn phân tích kĩ các biểu hiện thuộc 02 nhóm năng lực đạt điểm số cao nhất và 02 nhóm năng lực đạt điểm số thấp nhất. Xét 02 nhóm năng lực dạy học được SVSP tự đánh giá đạt mức cao nhất, nhận thấy điểm số của các biểu hiện tương đối đồng đều; cụ thể là ở *NL xây dựng, quản lí và khai thác hồ sơ dạy học* có các biểu hiện: *Xây dựng, quản lí và sử dụng có hiệu quả hồ sơ dạy học: 3,66đ; Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lí hồ sơ học sinh: 3,79đ; NL vận dụng và phát triển chương trình và tài liệu sách giáo khoa* có các biểu hiện: *Phát triển chương trình môn học: 3,65đ, Sử dụng các tài liệu hướng dẫn chính thống về chương trình giảng dạy cho những nội dung dạy học: 3,63đ*. Trong khi đó, các nhóm năng lực có điểm số thấp nhất thể hiện sự chênh lệch khá rõ nét giữa các biểu hiện. Cụ thể, ở *NL dạy học phân hoá*, biểu hiện *Xác định và tôn trọng sự khác biệt cá nhân của học sinh* được đánh giá vượt trội hơn hẳn so với các biểu hiện khác thuộc nhóm năng lực này, thậm chí nó còn thuộc nhóm biểu hiện có điểm trung bình cao nhất khi so sánh toàn bộ các biểu hiện thuộc cả 11 nhóm năng lực thành phần. Như vậy, sở dĩ *NL dạy học phân hoá* đạt điểm số thấp là do các biểu hiện còn lại quyết định. Cụ thể là SVSP năm cuối thuộc nhóm khách thể khảo sát cho rằng mình thể hiện chưa tốt khi *tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí và phân loại học sinh, dạy học phân hóa với từng cá nhân học sinh, điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp với những khác biệt cá nhân của học sinh* trong khi các em đã có kết quả khá tốt trong việc *xác định và tôn trọng sự khác biệt cá nhân của học sinh*. Tương tự, ở *NL hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập*, biểu hiện *quan tâm những học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt để họ đạt được các mục tiêu* đạt điểm số thấp hơn

hắn so với việc tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí, phân loại học sinh và dành thời gian hỗ trợ học sinh chưa hiểu bài.

2.2.1.3. Năng lực dạy học của sinh viên năm cuối các trường đại học sư phạm theo các tham số so sánh

Kết quả phân tích năng lực dạy học của SVSP năm cuối theo các tham số so sánh được thể hiện ở Bảng 3. Các tham số được so sánh về năng lực dạy học của SV là giới tính, học lực và chuyên ngành.

Bảng 3. Năng lực dạy học của sinh viên năm cuối đại học sư phạm theo các tham số so sánh

TT	Các tham số		ĐTB	ĐLC	p
1	Giới tính	Nam	3,57	0,56	0,74
		Nữ	3,55	0,58	
2	Xếp loại học lực/ rèn luyện	Xuất sắc	3,94	0,42	0,001
		Giỏi	3,66	0,50	
		Khá	3,43	0,60	
		Trung bình	3,33	0,73	
3	Chuyên ngành	KHTN	3,63	0,46	0,000
		KHXH	3,48	0,63	
		Chuyên ngành khác	3,91	0,36	

(Điểm thấp nhất là 1, điểm cao nhất là 5)

Kết quả nghiên cứu được phản ánh trong Bảng 3 cho phép khẳng định:

- Xét theo giới tính, điểm tự đánh giá năng lực dạy học của nam SVSP năm cuối cao hơn chút ít so với nữ (3,57 và 3,55), song sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê bởi $p > 0,05$.

- Xét theo học lực, năng lực dạy học của nhóm SVSP tham gia khảo sát có sự tương đồng với xếp loại học lực/ rèn luyện, nghĩa là mức xếp loại học lực/ rèn luyện càng cao thì năng lực dạy học càng cao và ngược lại. Sự chênh lệch điểm số tự đánh giá về năng lực dạy học theo từng mức xếp loại học lực khá rõ ràng và sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê với $p = 0,001$.

- Xét theo chuyên ngành cũng có sự phân hoá đậm nét về tự đánh giá năng lực dạy học của SVSP giữa các chuyên ngành, trong đó thấp nhất là SV chuyên ngành KHXH (ĐTB = 3,48), tiếp theo là SV chuyên ngành KHTN (ĐTB = 3,63) và cao nhất là SV các chuyên ngành khác (ĐTB = 3,91); sự khác biệt này có ý nghĩa về thống kê.

2.2.2. Những khó khăn trong phát triển năng lực dạy học của sinh viên năm cuối các trường đại học sư phạm

Nhóm nghiên cứu giả định một trong những yếu tố tác động đến mức độ năng lực dạy học của SVSP là SV gặp thuận lợi và khó khăn trong phát triển nó như thế nào. Do vậy, trên cơ sở nghiên cứu thực trạng mức độ năng lực dạy học của SVSP năm cuối, chúng tôi tiến hành tìm hiểu những khó khăn trong phát triển năng lực dạy học của SV. Theo đó, chúng tôi xem xét liệu rằng những khó khăn, cản trở khi phát triển năng lực dạy học có ảnh hưởng đến mức độ năng lực dạy học của SVSP hay không?

2.2.2.1. Kết quả tự đánh giá của sinh viên về những khó khăn trong phát triển năng lực dạy học của sinh viên năm cuối các trường đại học sư phạm

Trong quá trình thực tập sư phạm, SV lần đầu tiên được tham gia vào các hoạt động thực tiễn trong nhà trường với tư cách là những người đang học nghề - những giáo viên tương lai. Những người đang học nghề đó chắc chắn không tránh khỏi những ngỡ ngàng, những cản trở cản

đổi mặt và vượt qua. Bảng 4 phản ánh kết quả tự đánh giá của SV về những khó khăn trong phát triển năng lực dạy học khi tham gia thực tập sư phạm.

Bảng 4. Những khó khăn trong phát triển năng lực dạy học của sinh viên năm cuối các trường đại học sư phạm (theo tự đánh giá của SV)

TT	Khó khăn	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Khó khăn trong phát triển năng lực vận dụng, phát triển chương trình và tài liệu sách giáo khoa	3,12	1,12	4
2	Khó khăn trong phát triển năng lực lựa chọn và sử dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học	3,00	1,21	9
3	Khó khăn trong phát triển năng lực dạy học phân hoá	2,96	1,12	10
4	Khó khăn trong phát triển năng lực dạy học tích hợp	3,16	1,13	1
5	Khó khăn trong phát triển năng lực lập kế hoạch dạy học	3,09	1,00	7
6	Khó khăn trong phát triển năng lực tổ chức dạy học	3,12	1,06	4
7	Khó khăn trong phát triển năng lực tổ chức và quản lí lớp học	3,06	1,06	8
8	Khó khăn trong phát triển năng lực hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập	2,96	1,12	10
9	Khó khăn trong phát triển năng lực đánh giá sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh	3,14	1,12	2
10	Khó khăn trong phát triển năng lực xây dựng, quản lí và khai thác hồ sơ dạy học	3,12	1,03	4
11	Khó khăn trong phát triển năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học	3,13	1,01	3
	Tổng	3,08	0,85	

(Điểm thấp nhất là 1, điểm cao nhất là 5)

Nhìn chung, SVSP thuộc mẫu khảo sát tự đánh giá khó khăn các em gặp trong việc phát triển năng lực dạy học ở mức trung bình (ĐTB = 3,08) với độ phân tán cao (độ lệch chuẩn > 1). Trong đó, nhóm các năng lực dạy học được SVSP năm cuối tự đánh giá đạt mức cao nhất là những năng lực ít gây khó khăn cho các em: *NL dạy học tích hợp* (ĐTB = 3,16); *NL đánh giá sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh* (ĐTB = 3,14); *NL ứng dụng CNTT trong dạy học* (ĐTB = 3,13); *NL xây dựng, quản lí và khai thác hồ sơ dạy học* (ĐTB = 3,12). SV gặp nhiều khó khăn trong phát triển các năng lực dạy học như *NL hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập*, *NL dạy học phân hoá*, *NL lựa chọn và sử dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học*; và đây cũng là những năng lực SV cho rằng mình còn thể hiện chưa tốt trong số các năng lực dạy học. Như vậy, kết quả về những khó khăn trong phát triển năng lực dạy học của SV có sự liên kết nhất định với kết quả tự đánh giá của nhóm khách thể về mức độ đạt được các năng lực đó: nhóm năng lực dạy học đạt mức cao thì ít gây khó khăn cho SV khi biểu hiện; ngược lại, những năng lực mà SV chưa vững nhất sẽ gây nhiều khó khăn cho các em khi biểu hiện trong hoạt động thực hành nghề nghiệp. Đội ngũ cán bộ quản lí và giảng viên có thể tham khảo kết quả này để có những tác động thiết thực nhằm tạo điều kiện và hỗ trợ SVSP trong quá trình học tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm và những hoạt động rèn luyện thực hành nghề khác trong nhà trường sư phạm nhằm khắc phục khó khăn trong phát triển năng lực dạy học cũng như những năng lực nghề nghiệp khác của SVSP.

2.2.2.2. Những khó khăn trong phát triển năng lực dạy học của sinh viên năm cuối các trường đại học sư phạm theo các tham số so sánh

Kết quả kiểm định sự khác biệt về những khó khăn trong phát triển năng lực dạy học của SVSP theo các tham số giới tính, học lực và chuyên ngành của SV được trình bày dưới đây (Bảng 5).

Bảng 5. Những khó khăn trong phát triển năng lực dạy học của sinh viên năm cuối các trường đại học sư phạm theo các tham số so sánh

TT	Các tham số		ĐTB	ĐLC	p
1	Giới tính	Nam	3,01	0,84	0,61
		Nữ	3,07	0,82	
2	Xếp loại học lực/ rèn luyện	Xuất sắc	3,69	0,79	0,006
		Giỏi	3,19	0,78	
		Khá	2,97	0,76	
		Trung bình	3,00	0,86	
3	Chuyên ngành	KHTN	3,06	0,82	0,955
		KHXX	3,09	0,78	
		Chuyên ngành khác	3,09	1,15	

(Điểm thấp nhất là 1, điểm cao nhất là 5)

Theo kết quả được phản ánh trong Bảng 5, có thể đưa ra một số nhận định như sau:

- Có sự phân hoá rõ ràng theo xếp loại học lực về những khó khăn trong phát triển năng lực dạy học mà SVSP gặp phải khi tham gia thực tập sư phạm. Trong đó, nhóm SV có học lực xuất sắc lại cho rằng mình gặp nhiều khó khăn nhất để phát triển năng lực dạy học với số điểm thể hiện khó khăn vượt trội hẳn so với các nhóm học lực khác (ĐTB = 3,69), kể đến là nhóm SV có học lực giỏi (ĐTB = 3,19), nhóm SV học lực trung bình (ĐTB = 3,00) và ít gặp trở ngại nhất trong phát triển năng lực dạy học là các SV có học lực khá (ĐTB = 2,97). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p = 0,006$.

- Kiểm định theo giới tính cho thấy các SV nữ gặp khó khăn nhiều hơn không đáng kể so với SV nam trong phát triển năng lực dạy học, sự khác biệt này không có ý nghĩa về thống kê với $p > 0,61$.

- Các chuyên ngành khác nhau cũng cho kết quả kiểm định khác biệt không nhiều về những khó khăn liên quan đến việc phát triển năng lực dạy học của SVSP: SV ngành KHXX và các chuyên ngành khác gặp khó khăn hơn chút ít so với SV chuyên ngành KHTN. Tuy nhiên, sự khác biệt này cũng không có ý nghĩa về thống kê.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã phản ánh kết quả khảo sát thực trạng năng lực dạy học của SV năm cuối các trường đại học sư phạm thông qua hình thức tự đánh giá của sinh viên. Kết quả cho thấy SVSP năm cuối tự đánh giá năng lực dạy học ở mức khá với một số năng lực thành phần còn hạn chế và gặp nhiều khó khăn để phát triển như: NL hỗ trợ học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập; NL dạy học phân hoá; NL lựa chọn và sử dụng phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học. Bên cạnh đó, kết quả phân tích năng lực dạy học của SVSP năm cuối theo các tham số cho phép khẳng định: Xét theo xếp loại học lực/ rèn luyện, nhóm SV đạt xếp loại học lực/ rèn luyện cao hơn cũng có năng lực dạy học trội hơn và năng lực này giảm dần với nhóm SV có xếp

loại học lực/ rèn luyện thấp hơn; Xét theo chuyên ngành, năng lực dạy học của SVSP tăng dần theo thứ tự: chuyên ngành KHXH - chuyên ngành KHTN - các chuyên ngành khác. Kết quả nghiên cứu trên đây có thể trở thành gợi ý cho những định hướng nhằm phát triển năng lực dạy học cũng như các năng lực nghề nghiệp khác của SVSP, nâng cao hiệu quả đào tạo giáo viên trong mỗi nhà trường sư phạm.

Ghi chú: Bài báo là sản phẩm của đề tài “Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ đánh giá và tự đánh giá năng lực sư phạm của sinh viên khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội theo chuẩn đầu ra”, mã số: HD1.3.1g.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Adoniou, M., 2013. Preparing teachers: The importance of connecting contexts in teacher education. *Australian Journal of Teacher Education*, 38(8), pp.47-60.
- [2] Farooq, M.S., Shahzadi, N., 2006. Effect of Teachers’ Professional Education on Students’ Achievement in Mathematics. *Bulletin of Education & Research*, Vol. 28, No. 1, pp.47-55.
- [3] Nye, B., Konstantopoulos, S., & Hedges, L. V., 2004. How large are teacher effects? *Educational Evaluation and Policy Analysis*, Vol.26, No.3, 237–257.
- [4] Rivkin, S.G., Hanushek, E.A., & Kain, J.F., 2005. Teachers, schools, and academic achievement. *Econometrica*, Vol. 73, No. 2, pp.417–458.
- [5] Yusuf, F.N., 2010. *Improving teachers quality through pre-service teacher training: a case study at a teacher training institute*. Proceedings of The 4th International Conference on Teacher Education; Join Conference UPI & UPSI Bandung, Indonesia, pp.31-37.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015. Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT: Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.
- [8] Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Vũ Bích Hiền, Vũ Thị Sơn, Nguyễn Vinh Quang, 2020. Phát triển khung chuẩn đầu ra cho các chương trình đào tạo cử nhân sư phạm ở một số trường đại học sư phạm. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Volume 65, Issue 9, tr.164-179.
- [9] Nguyễn Thị Kim Dung, 2018. Khung năng lực đánh giá sinh viên tốt nghiệp đại học sư phạm. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Vol. 63, Issue. 2A, tr.32-39.
- [10] Nguyễn Thị Thanh Hồng, 2015. Hình thành năng lực dạy học cho sinh viên đại học sư phạm qua giảng dạy môn giáo dục học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục - đào tạo. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Vol. 60, No. 8B, tr.172-179.
- [11] Nguyễn Thị Kim Dung, 2018. Các phương án đánh giá sinh viên tốt nghiệp đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Vol. 63, Issue. 2A, tr.233-241.
- [12] Đảng cộng sản Việt Nam, 2013. Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

ABSTRACT

The status of final year pre-service teachers' teaching competence of some teacher education universities: Result of pre-service teachers self-assessment

Nguyen Thu Trang

Institute for Educational Research, Hanoi National University of Education

Teaching competency is an important component of the professional competencies of teacher training curriculum. This article analyzes the results of final year pre-service teachers self-assessment on their teaching competence and difficulties in developing it. Participants were 316 fourth-year preservice teachers of three major pedagogical universities in Vietnam: Hanoi National University of Education, The University of Danang - University of Education, Ho Chi Minh City University of Education. The results show that final year preservice teachers self-assess their teaching competence at a good level; in which there are some components that are not good and have many difficulties to develop such as: Supporting students with special needs in learning; Differentiated teaching; Selecting and using teaching methods, facilities and forms of teaching organization. The results of this study are expected useful for developing teaching competence of preservice teachers and aiming to diversify assessment methods in education and training, including learners' self-assessment, contributing to improving the effectiveness of teacher training.

Keywords: pre-service teacher, pedagogical university, teaching competence, learner's self-assessment.